

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT II NĂM 2015

Kính gửi:

Đại học Thái Nguyên thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2015 như sau:

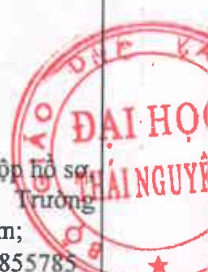
1. Thời gian thi; Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo

- Ngày thi: Thứ Bảy, ngày 19 tháng 9 và Chủ Nhật, ngày 20 tháng 9 năm 2015.

- Hình thức đào tạo: Đào tạo tập trung 2 năm. Riêng các chuyên ngành đào tạo tại Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp đào tạo tập trung 1,5 năm.

2. Môn thi tuyển; Chuyên ngành đào tạo; Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến

2.1. Các môn thi Cơ bản và Chủ chốt theo chuyên ngành đào tạo (Bảng 1)

TT	Chuyên ngành đào tạo thạc sĩ	Môn thi		Chỉ tiêu	Trường ĐH đào tạo chuyên ngành
		Cơ bản	Chủ chốt		
1	Toán Giải tích	Toán giải tích	Đại số và lý thuyết số	29	 - Liên hệ, nộp hồ sơ, ôn tập tại Trường ĐH Sư phạm; Đ.T. 0280 3855785 Tổng số chỉ tiêu dự kiến: 343
2	Đại số và lý thuyết số			22	
3	LL&PPDH bộ môn Toán	Toán cơ sở	LL&PPDH bộ môn Toán	18	
4	Hóa vô cơ	Toán cao cấp II	Hóa học cơ sở	14	
5	Hóa phân tích			09	
6	Hóa hữu cơ			10	
7	Di truyền học	Toán cao cấp thống kê	Sinh học cơ sở	15	
8	Sinh học thực nghiệm			15	
9	Sinh thái học			10	
10	LL&PPDH bộ môn Sinh học			12	
11	LL&PPDH bộ môn Văn-T. Việt	Văn học	LL&PPDH BM Văn-T. Việt	08	
12	Văn học Việt Nam	Triết học	Văn học Việt Nam	37	
13	Ngôn ngữ Việt Nam		Ngôn ngữ đại cương	11	
14	Lịch sử Việt Nam		Lịch sử Việt Nam	20	
15	Địa lý học		Địa lý cơ sở	06	
16	Địa lý tự nhiên			13	
17	LL&PPDH bộ môn Địa lý			05	
18	Quản lý giáo dục		Giáo dục học đại cương	16	
19	Giáo dục học			28	
	Giáo dục học (CT giáo dục tiểu học)				
20	LL&PPDH bộ môn LL Chính trị		Chủ nghĩa XH khoa học	10	
21	LL&PPDH bộ môn Vật lý	Vật lý đại cương	LL&PPDH bộ môn Vật lý	10	- Liên hệ, nộp hồ sơ, ôn tập tại Trường ĐH Nông Lâm; Đ.T. 0280 3852925 Tổng số chỉ tiêu dự kiến: 246
22	Vật lý chất rắn	Toán cho vật lý	Cơ sở Vật lý	25	
23	Chăn nuôi	Toán CC thống kê	Sinh lý động vật	40	
24	Thú y		Sinh lý thực vật	15	
25	Khoa học cây trồng			75	
26	Lâm học		Nguyên lý lâm sinh	42	
27	Quản lý đất đai		Trắc địa	10	
28	Khoa học môi trường		Cơ sở KH môi trường	32	
29	Phát triển nông thôn		Ng.lý phát triển nông thôn	32	

TT	Chuyên ngành đào tạo thạc sĩ	Môn thi		Chỉ tiêu	Trường ĐH đào tạo chuyên ngành
		Cơ bản	Chữ chốt		
30	Kỹ thuật cơ khí	Toán cao cấp I	Sức bền vật liệu	35	Liên hệ, nộp HS, ôn tập tại Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp ĐT. 0280 3847155 Tổng số chỉ tiêu dự kiến: 151
31	Cơ kỹ thuật		Cơ học lý thuyết	16	
32	Kỹ thuật điện tử		Xử lý tín hiệu số	25	
33	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Lý thuyết điều khiển tự động	25	
34	Kỹ thuật điện		Cơ sở kỹ thuật điện	30	
35	Kỹ thuật cơ khí động lực		Lý thuyết ô tô máy kéo	20	
36	Y học dự phòng	Toán CC thống kê	Vi sinh	20	Liên hệ, nộp HS, ôn tập tại Trường ĐHYD ĐT. 0280 3858198 Tổng số chỉ tiêu dự kiến: 80
37	Nội khoa		Sinh lý học	20	
38	Nhi khoa		Giải phẫu học	20	
39	Ngoại khoa			20	
40	Phương pháp toán sơ cấp	Cơ sở LT hàm số	Đại số và lý thuyết số	20	Liên hệ, nộp HS, ôn tập tại Trường ĐH Khóa học; ĐT. 0280 3746983. Tổng số CT dự kiến: 73
41	Toán ứng dụng			35	
42	Công nghệ sinh học	Toán CC thống kê	Sinh học phân tử	18	
43	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Toán cho điều khiển	Lý thuyết điều khiển tự động	30	Liên hệ, nộp HS, ôn tập tại Trường ĐHCN thông tin và Truyền thông; ĐT. 0280 6255052. Tổng số CT dự kiến: 130
44	Khoa học máy tính	Toán rời rạc	Tin học cơ sở	100	

2.2. Môn Tiếng Anh

a) Thi viết, nội dung tương đương cấp độ B.

b) Người thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức, được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ GD&ĐT công nhận văn bằng;

- Có bằng tốt nghiệp ĐH chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ GD&ĐT về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường ĐH của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

- Có bằng tốt nghiệp ĐH ngành ngôn ngữ nước ngoài một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức;

- Có chứng chỉ Tiếng Anh, hoặc chứng chỉ một trong các ngôn ngữ: Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức bậc 3/6 trở lên hoặc tương đương (*xem Phụ lục II, Thông tư số: 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GD&ĐT*) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi ĐHTN hoặc cơ sở được Bộ GD&ĐT cho phép và công nhận.

3. Đối tượng và điều kiện dự thi

Là công dân nước CHXHCN Việt Nam đáp ứng được các điều kiện sau:

3.1. Về văn bằng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học (TNDH) ngành đúng, ngành phù hợp.

- Nếu TNDH ngành đúng/ ngành phù hợp hệ vừa làm vừa học (VLVH), dự tuyển các chuyên ngành đào tạo thuộc Trường ĐH Sư phạm cần có thêm một bằng tốt nghiệp cao đẳng/ THCN hệ chính quy ngành đúng/ ngành phù hợp.

- Người có bằng TNDH loại hình không chính quy ngành đúng/ ngành phù hợp được phép đăng ký dự tuyển vào các chuyên ngành đào tạo thuộc Trường ĐH CNTT và Truyền thông, Trường ĐH Khoa học, Trường ĐH Nông Lâm, Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp.

b) Nếu TNDH ngành gần thì cần học bổ sung chương trình kiến thức để đạt trình độ tương đương.

c) Nếu TNDH một số ngành khác có thể đăng ký dự tuyển các chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý sau khi đã học chương trình bổ sung kiến thức (những ngành TNDH cụ thể thuộc ngành khác do thủ trưởng CSGD&HTV đề nghị Giám đốc ĐHTN xem xét quyết định).

d) Văn bằng ĐH do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Khảo thí và KCĐCLGD công nhận.

3.2. Yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn

a) Các đối tượng được đăng ký dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ngay sau khi TNĐH ghi ở trong bảng dưới đây:

TT	Trường Đại học đào tạo chuyên ngành	Điều kiện được dự thi ngay sau khi TNĐH	
		Ngành; Loại hình đào tạo	Kết quả - Xếp loại
1	Trường ĐH Sư phạm	Ngành đúng/phù hợp; Chính quy (CQ)	$\geq 6,5$ (niên chế) $\geq 2,2$ (tín chỉ)
2	Trường ĐH Khoa học	Ngành đúng/phù hợp; Chính quy	$\geq 6,5$ (niên chế) $\geq 2,2$ (tín chỉ)
		Ngành đúng/ phù hợp; VLVH; bằng thứ hai	Trung bình khá ($\geq 6,5$)
3	Trường ĐH CNTT và TT	Ngành đúng/ phù hợp; CQ; VLVH; bằng hai	Tốt nghiệp đại học
4	Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp	Ngành đúng/phù hợp/ngành gần; CQ	Mọi trường hợp
		Ngành đúng/phù hợp; VLVH; bằng hai	$\geq$ Trung bình khá ($\geq 6,5$)
5	Trường ĐH Nông Lâm	Ngành đúng/ phù hợp.	$\geq 6,5$ (niên chế) $\geq 2,2$ (tín chỉ)
		Ngành đúng/ phù hợp; VLVH; bằng hai	$\geq$ Trung bình khá ($\geq 6,5$)
6	Trường ĐH Y Dược	Ngành đúng/ phù hợp	$\geq$ Khá

b) Những đối tượng còn lại phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi kể từ ngày có quyết định công nhận TNĐH đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

3.3. Điều kiện đăng ký và dự tuyển chuyên ngành Quản lý giáo dục

a) Về văn bằng: có bằng TNĐH hệ chính quy hay chuyên tu. Nếu TNĐH hệ VLVH/ liên thông thì phải có thêm bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc THCN hệ chính quy kèm theo. Trừ người TNĐH ngành đúng, các đối tượng khác phải học chương trình bổ sung kiến thức của ngành trước khi dự thi (nội dung, khối lượng học bổ sung do Hiệu trưởng Trường ĐH Sư phạm quy định).

b) Về yêu cầu kinh nghiệm công tác chuyên môn và đối tượng dự tuyển: Đối tượng được dự thi ngay sau khi TNĐH quy định bảng trên.

Người TNĐH ngành gần phải có ít nhất 01 năm và nếu TNĐH ngành khác phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý giáo dục, tính từ ngày quyết định phân công công tác đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

Đối tượng dự tuyển: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn các trường từ mầm non đến phổ thông các cấp; trưởng khoa, phó trưởng khoa, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, lãnh đạo, cán bộ quản lý và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của sở/ phòng GD&ĐT, phòng/ban đào tạo, giáo vụ, quản lý học sinh – sinh viên hoặc một số phòng/ban liên quan khác của các trường ĐH, cao đẳng, THCN và dạy nghề; cán bộ Đoàn từ ủy viên BCH Chi đoàn, cán bộ Đảng từ ủy viên ban Chi ủy, cán bộ Công đoàn từ ủy viên BCH công đoàn bộ phận trở lên của các trường từ mầm non đến phổ thông các cấp, các cơ sở đào tạo và dạy nghề; lãnh đạo và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của các tổ chức chính trị, chính trị xã hội.

3.4. Có lý lịch rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật mức cảnh cáo trở lên, không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan có thẩm quyền hoặc phường, xã nơi cư trú xác nhận.

3.5. Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, thủ trưởng CSGD&HTV tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học, đề nghị Giám đốc ĐHTN xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh.

3.6. Nộp hồ sơ, lệ phí đăng ký dự tuyển và lệ phí dự thi đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

4. Đối tượng và chính sách ưu tiên

4.1. Đối tượng ưu tiên

i) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) ở Khu vực 1 theo quy định của Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy hiện hành (căn cứ trên quyết định tiếp nhận/ điều động, biệt phái công tác của CQ có thẩm quyền); ii) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; iii) Con liệt sĩ; iv) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động; v) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở Khu vực 1 theo